

THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ Ở THỦ TỤC PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

NGUYỄN NHƯ HIỂN*

Tóm tắt: Bài viết phân tích, bình luận về thực trạng quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thỏa thuận của đương sự trong thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự, chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định này và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Thỏa thuận về việc giải quyết vụ án dân sự; phúc thẩm; quyền tự định đoạt

Ngày nhận bài: 16/5/2025; Biên tập xong: 19/6/2025; Duyệt đăng: 24/6/2025

AGREEMENT OF THE PARTIES IN CIVIL APPEAL PROCEEDINGS

Abstract: This article analyzes and comments on the current provisions of Vietnamese civil procedural law concerning the parties' agreements in civil appeal proceedings. It identifies the limitations and obstacles within these provisions and proposes solutions for improving the legislation.

Keywords: Agreement on the resolution of civil cases; appeal; autonomy of disposition

Received: May 16th, 2025; **Editing completed:** Jun 19th, 2025; **Accepted for publication:** Jun 24th, 2025

Đặt vấn đề

Thỏa thuận về việc giải quyết vụ án là một trong các quyền tự định đoạt của đương sự. Về nguyên tắc, đương sự có quyền thỏa thuận ở các giai đoạn của quá trình tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, việc thỏa thuận của đương sự ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được giải quyết như thế nào? Thỏa thuận của các đương sự ở thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự không? Thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật được hiểu như thế nào? Đây là vấn đề còn có những cách hiểu khác nhau.

1. Thực trạng quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về việc thỏa thuận của đương sự ở thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự

1.1. Trường hợp các đương sự tự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

Theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015, nếu việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Như vậy, BLTTDS năm 2015 chỉ quy định về việc thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự. Tuy nhiên, trường hợp các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về

việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì hiện chưa được quy định cụ thể trong BLTTDS năm 2015, đồng thời vấn đề này cũng chưa được hướng dẫn giải quyết như thế nào? Nếu như trước đây khi các đương sự tự thỏa thuận ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và muốn Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, thì Điều 19 Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS (sau đây gọi là Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP) để công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Theo đó, “Trường hợp trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các đương sự yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của họ, thì Tòa án yêu cầu các đương sự làm văn bản ghi rõ nội dung thỏa thuận và nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án. Văn bản này được coi như chứng cứ mới bổ sung. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi lại các đương sự về thỏa thuận của họ là có tự nguyện hay không và xem xét thỏa thuận đó có trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội hay không;

*Email: Nuhientabg@gmail.com

Nghiên cứu sinh, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

nếu thỏa thuận của họ là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”¹. Tuy nhiên, hướng dẫn tại Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP hiện nay đã hết hiệu lực và chưa có hướng dẫn mới cụ thể cho trường hợp này. Do đó, trên thực tế xét xử sẽ có vướng mắc giải quyết trong khi các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

1.2. Việc thỏa thuận của đương sự ở phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự

Điều 300 BLTTDS năm 2015 đã quy định về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, quy định này vẫn còn một số vấn đề vướng mắc, bất cập như sau:

Một là, theo quy định tại Điều 300 BLTTDS năm 2015 thì thỏa thuận phải “không vi phạm điều cấm của luật”, vậy đối với thỏa thuận “trái pháp luật” có được hiểu là “vi phạm điều cấm của luật” không? Hiện nay vấn đề này cũng có hai cách hiểu khác nhau:

Cách hiểu thứ nhất: Theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 thì điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Do đó, nếu mục đích, nội dung thỏa thuận của các đương sự thuộc những trường hợp mà luật cấm không cho các bên đương sự thực hiện thì thỏa thuận đó không được Tòa án chấp nhận².

Cách hiểu thứ hai: Khi các bên thỏa thuận không đúng theo quy định của luật (trái pháp luật) cũng bị coi là vi phạm điều cấm của luật³.

Có thể thấy, trước đây, Điều 128 BLDS năm 2005 quy định giao dịch dân sự có mục đích và nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Nhưng Điều 123 BLDS năm 2015 đã thay đổi là giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô

hiệu. Rõ ràng khác với BLDS năm 2005, điều cấm làm cho giao dịch vô hiệu không phải là “điều cấm của pháp luật” mà là “điều cấm của luật”, được hiểu “là những quy định của luật” không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”. Việc sửa đổi này là một nội dung mang tính tiến bộ của BLDS năm 2015 với tính chất “mở” hơn cho các bên trong việc tự do hợp đồng, tôn trọng thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, hạn chế việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu quá nhiều, tùy tiện⁵.

Như vậy, BLDS năm 2015 đã mở rộng phạm vi thỏa thuận của các bên theo hướng là thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm của luật, cho phép các bên được thỏa thuận khác với luật nhưng không vi phạm điều cấm của luật thì vẫn được chấp nhận. Do đó, chỉ khi các nội dung thỏa thuận của các bên không theo đúng quy định của luật thuộc các hành vi bị luật cấm thì thỏa thuận đó bị coi là vi phạm điều cấm của luật và không được chấp nhận. Nếu các nội dung thỏa thuận của các bên không theo đúng quy định của luật nhưng không thuộc trường hợp bị luật cấm thì không bị coi là vi phạm điều cấm của luật và Hội đồng xét xử nên chấp nhận thỏa thuận này, trừ trường hợp việc thỏa thuận của các bên lại vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015.

Hiện nay, có một số văn bản pháp luật quy định rõ thỏa thuận không theo đúng quy định của luật là hành vi bị cấm (ví dụ: Khoản 7 Điều 11 Luật Đất đai năm 2024 quy định rõ việc không thực hiện đúng quy định của pháp luật khi thực hiện quyền của người sử dụng đất bị coi là hành vi bị cấm trong lĩnh vực đất đai; hoặc khoản 7 Điều 3 Luật Nhà ở năm 2023 quy định hành vi bị cấm là thực hiện giao dịch mua bán, thuê mua, thuê, cho thuê lưu trú, tặng cho, đổi, thế chấp, góp vốn, cho mượn, cho ở nhờ, ủy quyền quản lý nhà ở không đúng quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; bàn giao nhà ở cho người mua, thuê mua nhà ở khi chưa đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật về xây dựng; khoản 1 Điều 8 Luật Kinh doanh bất

¹ Điều 19 Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP.

² Bùi Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương (2023), “Thực tiễn hòa giải vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân - Vướng mắc và kiến nghị”, *Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa: “Hòa giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp”*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 98.

³ Bùi Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương, tldđ, tr. 98.

⁴ Theo khoản 2 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Bộ luật, luật được gọi chung là luật.

⁵ Duyên Trần, *Bàn về giá trị pháp lý của hợp đồng có điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ*, <https://fdvn.vn/ban-ve-gia-tri-phap-ly-cua-hop-dong-co-dieu-khoan-thanh-toan-bang-ngoai-te/>, truy cập ngày 12/8/2024.

động sản năm 2023 quy định kinh doanh bất động sản không đủ điều kiện theo quy định của Luật này). Tuy nhiên, có một số văn bản pháp luật không quy định về hành vi bị cấm như Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 (sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2022), Luật Đầu tư năm 2020... hoặc một số văn bản pháp luật có quy định về hành vi bị cấm nhưng lại không quy định rõ hành vi trái với quy định của luật đó có bị coi hành vi vi phạm điều cấm của luật không như Điều 8 Bộ luật Lao động năm 2020...

Hai là, quy định việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm được công nhận tại Điều 300 BLTTDS năm 2015 khi thỏa thuận xuất phát từ ý chí tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là chưa đầy đủ. Bởi vì, việc thỏa thuận của các đương sự có thể thỏa mãn tất cả các điều kiện trên nhưng các bên lại thỏa thuận để nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc nghĩa vụ đối với người thứ ba hoặc xâm phạm đến quyền và lợi ích của các chủ thể khác thì thỏa thuận này không thể được chấp nhận. Do đó, Điều 300 BLTTDS năm 2015 cần bổ sung điều kiện không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với bên thứ ba.

1.3. Việc thỏa thuận của các đương sự ở cấp phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm hay không

Vấn đề thỏa thuận của các đương sự ở cấp phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm hay không thì hiện nay cũng có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau:

Cách hiểu thứ nhất: Căn cứ Điều 5 BLTTDS năm 2015, nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự nên ở thủ tục phúc thẩm, các bên hoàn toàn có quyền thỏa thuận giải quyết toàn bộ vụ án, kể cả trong trường hợp phần bản án sơ thẩm để không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Cách hiểu thứ hai: Việc thỏa thuận của các đương sự ở phúc thẩm bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm, các bên đương sự chỉ có thể thỏa thuận về những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật (tức bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị). Còn những phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật thì các bên có thể thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

Theo tác giả, việc thỏa thuận của các đương sự ở phúc thẩm cần đảm bảo nguyên tắc quyền tự định đoạt và nguyên tắc đảm bảo

hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc thỏa thuận của các đương sự ở phúc thẩm cần bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Nếu kháng cáo, kháng nghị về toàn bộ bản án sơ thẩm thì các bên đương sự hoàn toàn có quyền thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nếu kháng cáo, kháng nghị về một phần bản án sơ thẩm thì các bên đương sự có quyền thỏa thuận về phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về thỏa thuận của đương sự trong thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự

Qua phân tích thực trạng pháp luật về thỏa thuận của đương sự trong thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự, tác giả có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo hướng trên cơ sở kế thừa Điều 19 Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP nhưng phải sửa cụm từ “không trái pháp luật” thành “không vi phạm điều cấm của luật”. Cụ thể: “Trường hợp trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các đương sự yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của họ, thì Tòa án yêu cầu các đương sự làm văn bản ghi rõ nội dung thỏa thuận và nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án. Văn bản này được coi như chứng cứ mới bổ sung. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi lại các đương sự về thỏa thuận của họ là có tự nguyện hay không và xem xét thỏa thuận đó có vi phạm điều cấm của luật hoặc đạo đức xã hội hay không; nếu thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.”

Thứ hai, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể về thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật:

Điều 123 BLDS năm 2015 quy định điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. Do đó, nếu mục đích, nội dung thỏa thuận của các đương sự thuộc những trường hợp mà luật cấm không cho các bên đương sự thực hiện thì thỏa thuận đó không được Hội đồng

xét xử phúc thẩm chấp nhận. Điều này cũng phù hợp với định hướng được đưa ra trong Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới: “Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”.

Do đó, Tòa án nhân dân tối cao nên hướng dẫn cụ thể về thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật theo hướng: Nếu thỏa thuận của các bên đương sự không theo đúng quy định của luật mà thuộc các hành vi bị luật cấm thì thỏa thuận đó bị coi là vi phạm điều cấm của luật và không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nếu các nội dung thỏa thuận của các bên đương sự không theo đúng quy định của luật nhưng không thuộc trường hợp bị luật cấm thì thỏa thuận này không bị coi là vi phạm điều cấm của luật và Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này, trừ trường hợp thỏa thuận đó lại vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 300 BLTTDS năm 2015

Việc thỏa thuận của các đương sự ở phúc thẩm mặc dù là quyền tự định đoạt của đương sự nhưng sự thỏa thuận này cần đảm bảo nguyên tắc đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc thỏa thuận của các đương sự ở phúc thẩm cần bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm. Theo đó, nếu kháng cáo, kháng nghị về toàn bộ bản án sơ thẩm thì các bên đương sự hoàn toàn có quyền thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nếu kháng cáo, kháng nghị về một phần bản án sơ thẩm thì các bên đương sự có quyền thỏa thuận về phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp không có kháng cáo, kháng nghị mà các bên thỏa thuận với nhau về giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án thì việc thỏa thuận này chỉ được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị khi mà bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Lúc này, việc thỏa thuận của các đương sự có thể khác với bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm sẽ mở phiên tòa phúc thẩm để Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm. Còn khi hết thời hạn kháng

cáo, kháng nghị phúc thẩm thì bản án sơ thẩm đã có hiệu lực nên việc thỏa thuận về việc giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án được thực hiện ở giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác cũng như phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự⁶ thì việc thỏa thuận của các đương sự tại phúc thẩm cần phải đảm bảo thêm điều kiện là không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Vì vậy, Điều 300 BLTTDS năm 2015 cần xem xét, sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết một phần hoặc toàn bộ vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm” của BLTTDS đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS;
2. Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
3. Bùi Thị Huyền, Nguyễn Thị Hương (2023), “Thực tiễn hòa giải vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân - Vương mặc và kiến nghị”, *Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa: “Hòa giải các tranh chấp dân sự - Thực trạng và giải pháp”*, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 98;
4. Duyên Trần, *Bàn về giá trị pháp lý của hợp đồng có điều khoản thanh toán bằng ngoại tệ*, <https://fdvn.vn/ban-ve-gia-tri-phap-ly-cua-hop-dong-co-dieu-khoan-thanh-toan-bang-ngoai-te/>, truy cập ngày 12/8/2024.

⁶ Khoản 4 Điều 3 BLDS năm 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự: “...Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác...”.